

Số: /BC-RT

Phú Sơn, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

Phụ lục 1

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường: Trường Tiểu học và THCS R'Teing
- Địa chỉ: Thôn Preteing 2 xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;

- Số điện thoại: 0908256852

- Email: c12rteng.lamha@lamdong.edu.vn

- Công thông tin điện tử: <http://th-thcsrteing-lamha.edu.vn>

- Loại hình: Công lập

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà.

- Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1. Sứ mệnh: Xây dựng được môi trường học tập thân thiện, tích cực, nền nếp - kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển năng lực phẩm chất và tư duy sáng tạo.

4.2. Tầm nhìn: Trở thành trường có chất lượng cao, là trung tâm văn hóa của địa phương, là địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động, sáng tạo và có khát vọng vươn lên.

Phấn đấu xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới. Nâng cao vị thế của nhà trường lên tốp đầu của Giáo dục Lâm Hà; Giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên.

Trong giai đoạn 2020 – 2025 duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; dần từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả để đến 2030 trở thành đơn vị có phong trào giáo dục tốt được tặng giấy khen của

UBND huyện, tỉnh

4.3. Giá trị cốt lõi:

- Tinh thần đoàn kết.
- Tinh thần trách nhiệm.
- Tính trung thực.
- Sự tôn trọng
- Tình nhân ái
- Hợp tác, chia sẻ
- Tư duy độc lập sáng tạo
- Khát vọng vươn lên

4.4. Mục tiêu: Tạo dựng được môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Duy trì và tiếp tục phấn đấu trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường tiểu học R'Teing được thành lập từ năm 1997 theo Quyết định số 673/QĐ-UB ngày 28/11/1997 của chủ tịch UBND huyện Lâm Hà trên cơ sở tách ra từ trường TH Phú Sơn. Đến năm 2011, trường phát triển thành Trường tiểu học và trung học cơ sở R'Teing được thành lập theo quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 08/08/2011 của chủ tịch UBND huyện Lâm Hà và mang tên gọi đó cho đến ngày nay.

Tháng 06 năm 2019: Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 639/QĐ-SGDĐT ngày 26/6/2019 do giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ký.

Tháng 07 năm 2019: Trường được UBND tỉnh Lâm Đồng công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 do chủ tịch UBND tỉnh ký.

Tháng 01 năm 2024: Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 30/QĐ-SGDĐT ngày 15/01/2014 do giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ký.

Tháng 01 năm 2024: Trường được UBND tỉnh Lâm Đồng công nhận lại đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 do chủ tịch UBND tỉnh ký.

6. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Nguyễn Duy Chinh
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Preteing 2 – Phú Sơn – Lâm Hà – Lâm Đồng.
- Số điện thoại: 0908256852

- Email: nguyenduychinhvts@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

STT	Số văn bản	Ngày	Cơ quan ban hành	Trích yếu
1	Số 673/QĐ-UB	28/11/1997	UBND huyện Lâm Hà	Quyết định về việc thành lập Trường Tiểu học R’Teing xã Phú Sơn
	Số 2962/QĐ-UBND	08/08/2011	UBND huyện Lâm Hà	Quyết định thành lập trường tiểu học & trung học cơ sở R’Teing xã Phú Sơn
2	Số 5328/QĐ-UBND	28/10/2021	UBND huyện Lâm Hà	Quyết định thành lập Hội đồng trường
3	Số 5980/QĐ-UBND	29/11/2021	UBND huyện Lâm Hà	Quyết định công nhận chủ tịch Hội đồng trường
4	Số 730/QĐ-UBND	04/3/2020	UBND huyện Lâm Hà	Quyết định điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng
5	Số 3015/QĐ-UBND	28/8/2023	UBND huyện Lâm Hà	Quyết định điều động và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng
6	Số 184/QĐ-RT	04/9/2024	Trường TH&THCS R’Teing	Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường TH&THCS R’Teing
7	Số 01/KH-RT	02/01/2021	Trường TH&THCS R’Teing	Chiến lược phát triển Trường TH&THCS R’Teing giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030
8	Số 192/NQ-HĐTRT	29/9/2023	Trường TH&THCS R’Teing	Nghị quyết Hội đồng trường

9	Số: 170/KH-RT	22/9/2023	Trường TH&THCS R'Teing	Kế hoạch phát triển đội ngũ
10	Số 195/QĐ-RT	17/9/2024	Trường TH&THCS R'Teing	Quy chế làm việc
11	Số 179/QĐ-RT	28/9/2023	Trường TH&THCS R'Teing	Quy chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục học sinh

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Khác
Hiệu trưởng	01	00	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	01	00	00	00	01	00	
Giáo viên	21	10	03	03	18	00	
Nhân viên	05	02	01	00	04	00	01 bảo vệ
Cộng	28	12	04	03	23	01	01

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

STT	Đội ngũ	Đạt chuẩn nghề nghiệp Năm 2023	Đạt chuẩn nghề nghiệp Năm 2024
1	Cán bộ quản lý	2/2 (100%)	2/2 (100%)
2	Giáo viên	18/21 (85,7%)	18/21 (85,7%)

<i>Tổng cộng</i>	18/23 (87,0%)	18/23 (87,0%)
-------------------------	----------------------	----------------------

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

STT	Đội ngũ	Hoàn thành bồi dưỡng Năm 2023	Hoàn thành bồi dưỡng Năm 2024
1	Cán bộ quản lý	2/2 (100%)	2/2 (100%)
2	Giáo viên	18/21 (85,7%)	18/21 (85,7%)
3	Nhân viên	0	0
<i>Tổng cộng</i>		87,0%	87,0%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin chung

- Diện tích trường: 6224 m²
- Số điểm trường: 01
- Diện tích bình quân tối thiểu/HS: 17,39m²/học sinh đảm bảo theo quy định của trường chuẩn quốc gia

2. Hạng mục khối phòng

STT	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
<i>Khối phòng hành chính quản trị</i>			
1	Văn thư – Hành chính	01	
2	Phòng Hiệu trưởng	01	
3	Phòng Phó hiệu trưởng	01	
4	Kế toán - Tài vụ	01	
5	Phòng họp	01	
<i>Khối phòng học - chức năng</i>			
1	Phòng học	12	
2	Phòng Âm nhạc	00	

3	Phòng Tin học	01	
4	Phòng Tiếng Anh	01	
5	Phòng Mỹ thuật	00	
6	Phòng thực hành kỹ năng	00	
7	STEM	00	
8	Thư viện – Thiết bị	01	
9	Y tế	01	
10	Sân chơi.	01	
11	Sân bóng đá mi ni	01	

3. Thiết bị dạy học

- Ti vi: 11

- Bảng tương tác: 01

4. Danh mục sách giáo khoa lớp 5 sử dụng từ năm học 2024-2025

STT	Môn học	Các tác giả	Nhà xuất bản	Tổ CM lựa chọn	Tỉ lệ
1	Tiếng Việt 5 – Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng.	NXB Giáo Dục VN	X	100%
2	Tiếng Việt 5 – Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo Dục VN	X	100%
3	Toán 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo Dục VN	X	100%
4	Đạo Đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) , Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	NXB Giáo Dục VN	X	100%

STT	Môn học	Các tác giả	Nhà xuất bản	Tổ CM lựa chọn	Tỉ lệ
5	Lịch sử và địa lí 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (TCB cấp tiểu học phần lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương. Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần địa lí), Trần Thị Hà Giang (CBphần địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	NXB Giáo Dục VN	X	100%
6	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) Phan Thanh Hà (Đồng chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	NXB Giáo Dục VN	X	100%
7	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả: Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên)– Dương Giáng Thiên Hương — Nguyễn Bích Thảo – Nguyễn thị Ngọc Thúy – Nguyễn Thanh Trịnh.	NXB Giáo Dục VN	X	100%
8	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo Dục VN	X	100%
9	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chủ biên: Đỗ Thị Minh Chính(tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục VN	X	100%
10	Mỹ thuật 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tổng chủ biên: - Đình Gia Lê. Đồng chủ biên: Trần Thị Biễn-Đoàn Thị Mỹ Hương. Tácgiả: Phạm Duy Anh- Trần Thị Thu Trang.	NXB Giáo Dục VN	X	100%
11	Hoạt Động trải nghiệm 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình – Bùi Thị Hương Liên – Trần Thị Tổ Oanh	NXB Giáo Dục VN	X	100%

STT	Môn học	Các tác giả	Nhà xuất bản	Tổ CM lựa chọn	Tỉ lệ
12	Tin học 5 (Kiến tạo công dân toàn cầu)	Cao Hồng Huệ (Chủ biên), Nguyễn Thị thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Nguyễn Thị Thu Trà.	Đại học Vinh	X	100%
13	Tiếng Anh 5 sách học sinh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên) – Trần Hương Quỳnh (chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn	NXB Giáo Dục VN	x	100%

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9 ĐƯỢC LỰA CHỌN

STT	Tên danh mục SGK	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 9- tập một (bộ Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiền, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 9 - tập hai (bộ Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiền, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh,	Giáo dục Việt Nam
3	Tin học 9 (bộ Chân trời sáng tạo)	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Cổ Tôn Minh Đăng, Hồ Thị Hồng, Nguyễn Tấn phong, Đoàn Thị Ái Phương, Đào Thị Thỏa, Nguyễn Thanh Tùng.	Giáo dục Việt Nam
4	Nghệ thuật 9- Âm nhạc (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân.	Giáo dục Việt Nam
5	Nghệ thuật 9- Mỹ thuật (Chân trời sáng tạo) Bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam

STT	Tên danh mục SGK	Tác giả	Nhà xuất bản
6	KHTN 9 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám, (Đồng chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp (bắt buộc), (bộ Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 9 – Modun Lắp mạng điện trong nhà (tự chọn, (bộ Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Giáo dục Việt Nam
9	Ngữ văn 9 - tập một (bộ Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Giáo dục Việt Nam
10	Ngữ văn9- tập hai (bộ Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Giáo dục Việt Nam
11	GDCD 9 (bộ Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Giáo dục Việt Nam
12	Lịch sử & Địa lý 9 (bộ Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (Đồng chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My, Trần Việt Ngạc, Trần Văn Nhân, Nguyễn Văn Phụng, Nguyễn Kim Tường Vy. Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Huỳnh Phẩm Dũng Phát (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt.	Giáo dục Việt Nam

STT	Tên danh mục SGK	Tác giả	Nhà xuất bản
13	HD Trải nghiệm HN 9 (bộ Chân trời sáng tạo) BẢN 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng Anh 9 (Global success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam
15	GD thể chất 9 (bộ Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lê Phước Thật, Nguyễn Thị Thủy Trâm, Phạm Thái Vinh.	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC-TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (Có báo cáo đính kèm).

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm (Có báo cáo đính kèm và hàng năm có rà soát báo cáo theo quy định).

STT	Số văn bản	Ngày	Cơ quan ban hành	Mức độ (cấp độ) đạt trường chuẩn/kiểm định CLGD
1	Quyết định số 639/QĐ-SGDĐT	26/6/2019	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng	Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2
2	Quyết định số 473/QĐ-UBND	09/7/2019	UBND tỉnh Lâm Đồng	Đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ I
3	Quyết định số 30/QĐ-GDĐT	15/01/2024	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng	Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2
4	Quyết định số 196/QĐ-UBND	24/01/2024	UBND tỉnh Lâm Đồng	Đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ I

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024

1. Số liệu chung

Khối lớp	Tổng số lớp	Tổng số HS	Số HS học 02 buổi/ngày	Bình quân HS/lớp	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	HS chuyển trường
1	2	47	47	23,5	22	27	0	Đi: 4 Đến: 5
2	2	42	42	21	19	23	0	Đi: 1 Đến: 3
3	2	41	41	20,5	23	12	0	Đi: 0 Đến:
4	1	41	41	41	20	15	0	Đi: 0 Đến: 1
5	1	44	44	44	19	18	0	Đi: 2 Đến: 0
6	1	33	33	33	19	16	0	Đi: 2 Đến: 1
7	1	39	39	39	19	14	0	Đi: 1 Đến: 0
8	1	31	31	32	15	12	0	Đi: 0 Đến: 0
9	1	37	37	37	19	4	0	Đi: 0 Đến: 1
Tổng cộng	12	355	355	30	175	141	0	Đi: 10 Đến: 12

2. Kết quả học sinh

Khối lớp	Tổng số HS	Số HS HTCT lớp học TH; THCS	Số HS được lên lớp	Số HS không được lên lớp	HS tốt nghiệp THCS	HS học lên cấp 3, nghề
1	2	47	47	0		
2	2	42	42	0		

3	2	41	41	0		
4	1	41	41	0		
5	1	44	44	0		
6	1	33	33	0		
7	1	39	39	0		
8	1	31	31	0		
9	1	37	37	0	37	26
Tổng cộng		355	355	0	37	26

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH, THU, CHI TÀI CHÍNH

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	11.040.000	5.175.000
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo	11.040.000	5.175.000
1	Học phí, lệ phí từ người học	11.040.000	5.175.000
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác (thu sự nghiệp)		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	429.200.000	415.900.000
I	Chi lương, thu nhập	29.200.000	21.800.000
1	Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	4.200.000	3.800.000

2	Chi thu nhập khác	25.000.000	18.000.000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác		
III	Chi hỗ trợ người học	400.000.000	394.100.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	400.000.000	394.100.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI		
D	SỐ DƯ CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH		
1	Quỹ khen thưởng		
2	Quỹ phúc lợi		
3	Quỹ bổ sung thu nhập		
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác duy trì sĩ số

- Tổng số lớp: 12 lớp

+ Tổng số học sinh: Đầu năm: 354; cuối năm 355; chuyển đi 07, chuyển đến 9, bỏ học 01;

2. Về học tập

- Nhà trường đã tổ chức dạy học theo chương trình kế hoạch thời gian năm học, học sinh tham gia học tập đầy đủ, có ý thức vươn lên trong học tập; đã tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém; tăng cường hoạt động giúp đỡ, phụ đạo cho học sinh có học lực yếu trong từng giờ học, từng môn học.

Kết quả Kết quả hai mặt giáo dục:

*** Tiểu học:**

- Học sinh xuất sắc: 51/215 (chiếm 23,72%)
- Học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện: 61/215(chiếm 28,37%)

*** Trung học cơ sở**

- Hạnh kiểm lớp 6;7;8

Lớp	Số	Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng	103	62	60,19%	40	38,83%	1	0,97%	0	0%
6	33	15	45,45%	17	51,52%	1	3,03%	0	0%
7	39	25	64,10%	14	35,90%	0	0%	0	0%
8	31	22	70,97%	9	29,03%	0	0%	0	0%

- Hạnh kiểm lớp 9

Lớp	Số	Hạnh kiểm							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng	37	29	78,38%	8	21,62%	0	0%	0	0%
9	37	29	78,38%	8	21,62%	0	0%	0	0%

- Học lực:

+ Khối 6,7,8:(Áp dụng theo thông tư 22)

STT	Lớp	Số	Kết quả học tập							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	6	33	4	12,12%	8	24,24%	9	27,27%	12	36,36%
2	7	39	5	12,82%	10	25,64%	17	43,59%	7	17,95%
3	8	31	7	22,58%	6	19,35%	18	58,06%	0	0,00%
TỔNG CỘNG		103	16	15,53%	24	23,30%	44	42,72%	19	18,45%

+ Khối: 9 (Áp dụng theo thông tư 58 và 26)

STT	Lớp	Số số	Học lực									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		37	8	21,62%	12	32,43%	17	45,95%	0	0,00%	0	0,00%
01	9A	37	8	21,62%	12	32,43%	17	45,95%	0	0,00%	0	0,00%

*** Kết quả chất lượng mũi nhọn :**

+ Học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh:

+ Đạt giải khuyến khích hội thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp Huyện: 06

+ Giải Ba cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên Internet dành cho học sinh phổ thông cấp tỉnh: 01

- Thi cấp huyện:

+ Điền kinh (01 HCV; 05 HCB; 05 HCD);

+ Bơi cấp huyện (02 HCV ,5 HCB, 4 HCD);

- Thi cấp tỉnh:

+ Có 03 HS dự thi điền kinh (01HCB).

+ Có 06 HS dự thi bơi cấp tỉnh;

+ Võ Taekwondo (01 HCV; 01 HCD).

+ Thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng: 01 sản phẩm dự thi.

3. Đánh giá về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 28. Trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 02

+ Giáo viên đang giảng dạy: 21 (kể cả Tổng phụ trách)

+ Nhân viên: 05

- Những môn học thiếu giáo viên và số lượng thiếu: 0

- Giáo viên thừa (nếu có): 0

4. Công tác thi đua

+ Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường (có 8/8 GV đạt GV chủ nhiệm giỏi cấp trường);

+ Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện; (03 GV dự thi GVCN giỏi cấp huyện có 03 GV xếp loại đạt)

+ Có 100 % cá nhân trong tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên, trong đó:

- + Có 22 cá nhân được công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- + Có 06 cá nhân được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở.
- + Có 03 cá nhân được tặng giấy khen của UBND huyện.
- Đánh giá chuẩn giáo viên theo nghề nghiệp: có: 13/21 giáo viên xếp loại tốt chiếm tỉ lệ 61,90%; có 8/21 giáo viên xếp loại khá chiếm tỉ lệ 38,10%
- Xếp loại viên chức: có 05/28 viên chức xếp loại HTXSNV chiếm tỉ lệ 17,86%; có 23/28 viên chức xếp loại HTTNV chiếm tỉ lệ 82,14%; không có viên chức xếp loại HTNV, không HTNV.

5. Đánh giá chung

5.1. Kết quả đạt được

a. Ưu điểm

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn cố gắng xây dựng Trường Tiểu học TH&THCS R’Teing phát triển bền vững, với những giá trị mới, thực tiễn trong việc đổi mới phương pháp dạy học của thời kì hội nhập. “Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên hiểu và làm tốt công việc của mình”. Học sinh thực hiện tốt các yêu cầu của người học

Thầy cô luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh đạt được hiệu quả khá tốt; mỗi học sinh được phát triển tùy theo khả năng. Các em nắm vững các kiến thức, kĩ năng đã được rèn luyện theo mức độ chuẩn chung, đảm bảo tính vững chắc theo yêu cầu chung của ngành. Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân. Tập thể trường đoàn kết, thống nhất, có ý thức, trách nhiệm cao trong công việc, nhiều năm liên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm nhà trường có nhiều nhân tố tích cực: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; số giáo viên đạt GV dạy giỏi và GV chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Tỷ lệ VC-NLĐ đạt danh hiệu Lao động Tiên tiến hàng năm đạt từ 90 đến 100%.

Đội ngũ CBQL-GV-NV đoàn kết, thực hiện nghiêm túc các quy định của ngành, các quy chế của đơn vị.

Tổ chức và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành trong CBQL-GV-NV và học sinh toàn trường.

Tỷ lệ lên lớp 100%; Hoàn thành chương trình lớp 5 đạt 100%.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp 9 và xét tốt nghiệp đạt 100%.

Đội ngũ CBQL-GV-NV học tập và ứng dụng CNTT vào quản lý, dạy học có hiệu quả.

b. Tồn tại

Vẫn còn học sinh chưa chấp hành tốt an toàn giao thông (không đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, xe đạp điện, xe máy điện); còn GVBM, GVCN

chưa tích cực, chưa chủ động giáo dục đạo đức học sinh một cách thường xuyên, chưa thật sự sát sao, chưa kịp thời nắm bắt điều kiện, hoàn cảnh gia đình học sinh lớp mình giảng dạy, chủ nhiệm.

Đạo đức tác phong của một số em chưa tốt, gia đình còn sự nuông chiều, không quan tâm hoặc quan tâm đến các em chưa đúng mức.

Vẫn còn học sinh bỏ học, giáo viên bộ môn chưa thật sự sát sao đối với đối tượng HS yếu, phương pháp dạy học chưa phù hợp với từng đối tượng (gia đình học sinh không quan tâm), GVCN chưa nắm bắt tư tưởng các em kịp thời.

Nơi nhận:

- PGDĐT Lâm Hà;
- Đảng công TTĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Duy Chinh